



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

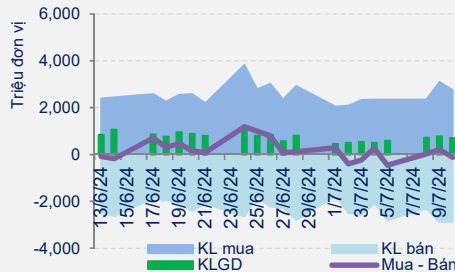
10/7/2024

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

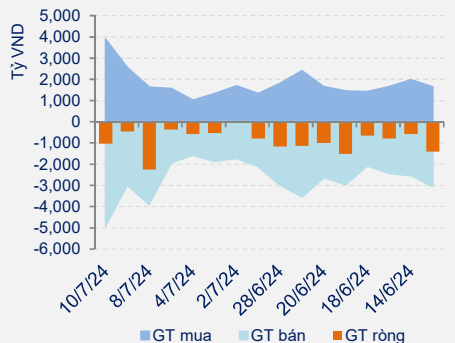
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,285.94	244.54
% Thay đổi	↓ -0.60%	↓ -0.46%
KLGD (CP)	707,601,491	64,095,448
GTGD (tỷ đồng)	21,793.22	1,530.76
Tổng cung (CP)	2,885,908,706	118,707,700
Tổng cầu (CP)	2,767,907,841	88,552,400

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	88,747,266	1,420,929
KL mua (CP)	71,118,358	1,618,264
GT mua (tỷ đồng)	3,889.10	42.27
GT bán (tỷ đồng)	4,918.95	45.78
GT ròng (tỷ đồng)	(1,029.85)	(3.51)

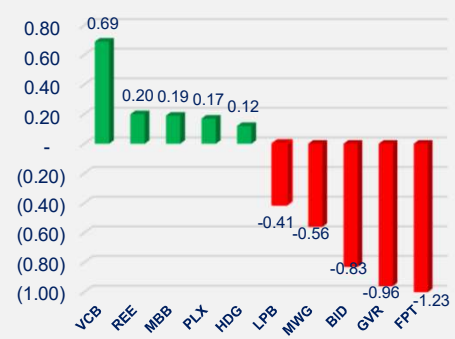
Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau khi VN-INDEX tăng giá tích cực phiên thứ 7 liên tiếp. Trong phiên hôm nay VN-INDEX tiếp tục tăng điểm lên gần vùng giá 1.300 điểm và bắt đầu chịu áp lực điều chỉnh bán ngắn hạn sau giai đoạn tăng giá mạnh dần hơn trong phiên chiều. Kết phiên VN-INDEX giảm 7,77 điểm (-0,60%) về mức 1.285,94 điểm. Đây là phiên điều chỉnh đầu tiên khi VN-INDEX đã phục hồi tốt từ vùng giá 1.240 điểm. HNX-INDEX kết phiên giảm 1,12 điểm (-0,46%) về mức 244,54 điểm. Độ rộng thị trường chuyển sang tiêu cực với áp lực bán gia tăng ở nhiều mã khi có 201 cổ phiếu giảm giá (01 mã giảm sàn), 125 cổ phiếu tăng giá (11 cổ phiếu tăng trần) và 52 cổ phiếu giữ giá tham chiếu tại HOSE. HNX với 92 cổ phiếu giảm giá (02 cổ phiếu giảm sàn), 58 cổ phiếu tăng giá (06 cổ phiếu tăng trần) và 76 cổ phiếu giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên 2 sàn giao dịch đạt 23.310,04 tỉ đồng, giảm nhẹ so với phiên trước. Trong đó khối lượng khớp lệnh giảm 10,47% tại HOSE và 12,60% tại HNX, cho thấy áp lực điều chỉnh đang khá bình thường. Khối ngoại tiếp xu hướng bán ròng trên HOSE với giá trị 1.041,53 tỷ đồng hôm nay, tập trung ở các mã trong VN30 như ngân hàng, bán lẻ... Trên sàn HNX khối ngoại bán ròng nhẹ 3,51 tỷ đồng.

Hàng dệt may, da giày, điện tử Việt Nam có thể bị áp dụng phòng vệ thương mại tại Indonesia. Theo Thương vụ Việt Nam tại Indonesia, Bộ trưởng Bộ Thương mại Indonesia Zulkifli Hasan cho biết: Chính phủ Indonesia tái khẳng định cam kết bảo vệ ngành dệt may trong nước trước làn sóng hàng nhập khẩu dệt may tràn ngập thị trường nội địa, gây sức ép to lớn lên ngành dệt may, khiến cho lực lượng lao động ngành dệt may bị sa thải hàng loạt. Tổng thống Joko Widodo đã chuẩn thuận chính sách bảo vệ ngành dệt may, theo đó sẽ có ít nhất có 2 biện pháp sẽ áp dụng, đó là áp thuế chống bán phá giá và thuế tự vệ; các mức thuế tự vệ có thể từ mức 100 - 200%.

Nhóm cổ phiếu dệt may chịu áp lực điều chỉnh trong phiên hôm nay, thanh khoản ở mức trung bình như GIL (-1,75%), MSH (-1,62%), PPH (-1,27%), VGT (-1,14%), TNG (-0,72%)... ngoài các mã tăng giá nhẹ với HTG (+0,80%), STK (+0,30%)...

Sau phiên phục hồi tốt, nhóm cổ phiếu ngân hàng lại chịu áp lực điều chỉnh khi hầu hết đều giảm điểm, thanh khoản dưới mức trung bình như LPB (-2,35%), STB (-1,65%), BID (-1,26%), HDB (-1,19%)... ngoài các mã tăng giá, thanh khoản gia tăng khá tích cực với BVB (+2,42%), EIB (+1,06%), MBB (-0,65%)... Các cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán đa số cũng giảm điểm với CSI (-2,41%), TVS (-2,40%), VDS (-1,93%), BSI (-1,72%)... thanh khoản dưới mức trung bình.

Nhóm cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp, cao su sau phiên tăng giá tốt đã chịu áp lực điều chỉnh khá mạnh sau giai đoạn tăng giá như DRI (-3,65%), GVR (-2,63%), PHR (-2,34%), BCM (-2,10%)... ngoài SIP (+2,65%) tăng giá.

Trong khi đó điểm nổi bật trong thị trường hôm nay là nhóm cổ phiếu bất động sản, khi nhiều mã tăng giá tốt, thanh khoản gia tăng, nổi bật với NTL (+6,81%), AGG (+4,94%), ITC (+4,60%), HDG (+4,60%), CSC (+3,91%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2407 giảm 10,5 điểm (-0,80%) đóng cửa tại 1.310,00 điểm, chênh lệch -0,91 điểm so với VN30. Khối lượng hợp đồng giao dịch giảm -15,16% so với phiên trước, ở mức mức trung bình. Xu hướng ngắn hạn của VN30F2407 duy trì biến động trong vùng 1.300 - 1.320 điểm, với hỗ trợ gần nhất quanh 1306 điểm, tương ứng đường giá trung bình 20 phiên. Các kỳ hạn VN30F2408 VN30F2409 VN30F2412 chênh lệch từ -0,01 điểm đến 4,19 điểm so với VN30, độ lệch mở rộng theo hướng chênh lệch dương các kỳ hạn lớn cho thấy các trader vẫn khá lạc quan so với xu hướng của VN30. Khối lượng mở OI hôm nay là 55.227 tăng so với phiên trước.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Sau 07 phiên liên tiếp tăng điểm, vượt lên vùng giá quanh 1.280 điểm. VN-INDEX đã gặp áp lực bán ngắn hạn khi tăng điểm lên vùng kháng cự mạnh quanh 1.300 điểm, tương ứng vùng giá cao nhất tháng 06/2024, cũng như vùng đỉnh tháng 8/2022. Kết phiên VN-INDEX giảm 7,77 điểm (-0,60%) về 1.285,94 điểm, khối lượng giao dịch giảm so với phiên trước, thể hiện áp lực điều chỉnh tương đối bình thường. Trong khi VN30 giảm 10,87 điểm (-0,82%) về mức 1.310,91 điểm và đang kiểm tra lại vùng giá cao nhất tháng 3/2024.

Ngắn hạn VN-INDEX sau khi hướng đến vùng giá 1.300 điểm, tương ứng với các vùng kháng cự mạnh trên, cũng như đường xu hướng ngắn trung hạn như đã đề cập trong nhiều báo cáo trước. Xu hướng ngắn hạn VN-INDEX vẫn tích lũy tích cực trong vùng 1.250 điểm - 1.300 điểm và VN-INDEX đã gặp áp lực điều chỉnh lại vùng giá cân bằng của kênh tích lũy này quanh 1.275 điểm, tương ứng đường giá trung bình 20 phiên gần nhất. Áp lực điều chỉnh này là khá bình thường nhất là khi VN-INDEX đã có 07 phiên tăng điểm liên tục. Điểm tích cực là lực cầu gia tăng tốt ở nhiều mã/nhóm mã trong thị trường. Nhiều mã/nhóm mã vẫn phục hồi rất tốt sau điều chỉnh, nhiều mã vượt vùng đỉnh gần nhất, thanh khoản khá đột biến như trong nhóm cổ phiếu bất động sản trong phiên hôm nay.

Xu hướng trung hạn VN-INDEX vẫn tích lũy tích cực với biên độ hẹp dần trong vùng 1.245-1.255 điểm đến 1.300 điểm, nửa trên của kênh 1.180 điểm - 1.200 điểm đến 1.300 điểm, mở rộng lên 1.320 điểm. Trong đó 1.200 điểm là vùng giá cao nhất năm 2018, 1.300 điểm - 1.320 điểm là vùng giá cao nhất tháng 06, 08/2022. Điểm cân bằng của kênh tích lũy trung hạn là vùng 1.245 điểm - 1.255 điểm, tương ứng vùng giá cao nhất năm 2023.

Ngắn hạn chúng tôi cũng đã khuyến nghị nhà đầu tư hạn chế mua đuổi khi VN-INDEX hướng đến vùng giá 1.300 điểm, vì đây không phải vùng giá thực sự hấp dẫn. Nhà đầu tư ngắn hạn tiếp tục duy trì tỷ trọng hợp lý, tránh mua đuổi giá cao. Nhà đầu tư trung - dài hạn nắm giữ danh mục hiện tại, các vị thế xem xét gia tăng tỉ trọng mới, đánh giá cân trọng dựa trên kết quả kinh doanh quý II và triển vọng cuối năm của các doanh nghiệp đầu ngành.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

10/7/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
DCM	40.7	35-36	40-42	34	17.6	0.3%	51.3%	Theo dõi giải ngân
BSR	23.83	21-22.4	26-28	20	9.2	-9.9%	-29.8%	Theo dõi giải ngân
MIG	22.75	20.8-21.6	25-26	20	13.6	-9.5%	12.2%	Theo dõi giải ngân
PHP	29.76	26-27.5	32-34	24	17.4	12.5%	-6.7%	Theo dõi giải ngân
DPM	37.95	35-36	40-41	34	27.7	1.3%	1.6%	Theo dõi giải ngân
PLX	46.55	40-41.7	54-55	38	18.1	11.4%	73.2%	Theo dõi giải ngân
POW	15.05	13.5-14.1	17.5-18.5	13	43.0	-15.9%	-48.0%	Theo dõi giải ngân
LHG	40.90	36.5-37	41-43	35	13.7	-34.1%	-38.0%	Theo dõi giải ngân
DPR	43.90	40.7-42.5	46-47	39	18.7	3.8%	-5.2%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
17/6/2024	MBB	23.30	23	26.5-27.5	22	1.3%	Nắm giữ
17/6/2024	CLX	18.32	17.5	26-28	18	4.7%	Nắm giữ
7/2/2024	BSR	23.83	22	26-28	21	8.3%	Nắm giữ

TIN VĨ MÔ
Nguồn cung bất động sản đang tăng trở lại

Trong tài liệu phục vụ Hội nghị sơ kết công tác 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024. Bộ Xây dựng đánh giá nguồn cung bất động sản sau một thời gian hạn chế đang chuyển biến theo chiều hướng tích cực. Thị trường ghi nhận sự quay trở lại của hàng loạt dự án cũ được tái khởi động và dự án mới mở bán. Trong nửa đầu năm, có 18 dự án nhà ở thương mại hoàn thành, 23 dự án được cấp phép mới. Đối với phân khúc nhà ở xã hội, có 8 dự án đã được hoàn thành trong 6 tháng vừa qua. Về sức mua, thị trường ghi nhận khoảng 253.000 giao dịch thành công, tăng khoảng 10% so với cùng kỳ năm ngoái. Đáng chú ý, Bộ cho biết, phần lớn lượng giao dịch chủ yếu tập trung vào phân khúc đất nền. Thêm vào đó, tính đến ngày 20/6, nguồn vốn FDI trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh địa ốc đã thu hút được số vốn đăng ký đạt 1,89 tỷ USD, đứng vị trí thứ hai trong tổng vốn đăng ký cấp mới và tăng 4,7 lần so với cùng kỳ năm 2023.

Tỷ giá USD hôm nay 10/7: USD ngân hàng tăng trở lại sau 4 phiên giảm liên tiếp

Tỷ giá trung tâm hôm nay (10/7) được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 24.247 VND/USD, tăng 5 đồng so với mức niêm yết hôm qua. Áp dụng biên độ 5%, hiện tỷ giá USD các ngân hàng thương mại được phép giao dịch là từ 23.035 - 25.459 VND/USD. Tỷ giá USD tại các ngân hàng trong nước sáng nay ghi nhận nhiều điều chỉnh tăng trở lại sau 4 phiên giảm liên tiếp. Cụ thể, Techcombank vẫn là nhà băng điều chỉnh nhiều hơn cả với 12 đồng tăng giá, theo sau đó là ba ngân hàng quốc doanh với 4 - 5 đồng nâng giá mua. Chỉ có Eximbank và Sacombank là giữ nguyên tỷ giá chào mua so với mức niêm yết cùng giờ sáng qua. Chiều bán tiếp tục neo theo mức thay đổi phạm vi giao dịch của NHNN với 5 đồng tăng đồng loạt tại các ngân hàng. Trên thị trường "chợ đen", khảo sát lúc 9h15 sáng nay cho thấy đồng USD hiện được giao dịch ở mức 25.750 - 25.850 VND/USD. Giá mua và giá bán cùng giảm 50 đồng so với mức ghi nhận giờ này hôm qua.

Sau khủng hoảng trong hai năm, thị trường bảo hiểm nhân thọ đang phục hồi trở lại

Tại họp báo kỷ niệm 25 năm thành lập Manulife Việt Nam, ông Ngô Trung Dũng, Phó Tổng thư ký Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam, đã cập nhật một số dữ liệu về ngành bảo hiểm cũng như đánh giá triển vọng ngành trong tương lai. Tính đến hết tháng 6, tổng tài sản của các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ trên toàn thị trường khoảng 819.560 tỷ đồng, tăng 9,6% so với cùng kỳ. Tổng số tiền đầu tư ước đạt 721.284 tỷ đồng, tăng 10%, trong đó chiếm tỷ trọng lớn là đầu tư vào trái phiếu Chính phủ. Tổng vốn chủ sở hữu của các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ khoảng 159.889 tỷ đồng, tăng 7,4%. Tổng dự phòng nghiệp vụ ước đạt 600.110 tỷ đồng, tăng 13,2%. Hàng năm các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ chi trả quyền lợi cho khách hàng trên 50.000 tỷ đồng. 6 tháng đầu năm vừa qua, các doanh nghiệp chi trả 30.966 tỷ đồng, tăng 35% so với cùng kỳ. Ông Dũng đánh giá tiềm năng của thị trường còn rất lớn, không phải ngẫu nhiên mà Chính phủ đưa ra nghị quyết riêng về chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm, mục tiêu đến năm 2025, 15% người dân Việt Nam có hợp đồng bảo hiểm nhân thọ. Đến năm 2030, tỷ lệ này tăng lên 18%.

TIN DOANH NGHIỆP

Đèo Cả (HHV) ước lãi hơn trăm tỷ quý II

CTCP Đầu tư hạ tầng giao thông Đèo Cả (HHV) ước tính doanh thu 6 tháng đầu năm 2024 dự kiến gần 1.469 tỷ đồng, lãi sau thuế hơn 221 tỷ đồng tăng lần lượt 28%, 15% so với cùng kỳ. Năm 2024, HHV đặt mục tiêu doanh thu hợp nhất 3.146 tỷ đồng, lãi sau thuế 404 tỷ đồng, tăng trưởng lần lượt 17% và 11% so với thực hiện năm 2023. Như vậy, sau hai quý, công ty đã thực hiện được 55% kế hoạch lợi nhuận đặt ra. Tính riêng quý II, doanh thu HHV ước đạt 779 tỷ đồng tăng 27% và 107 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế giảm 2% so với cùng kỳ. Hiện tại, HHV có các dự án BOT trong giai đoạn thu phí hoàn vốn đầu tư như hầm Đèo Cả – Cổ Mã, hầm Hải Vân, cao tốc Bắc Giang – Lạng Sơn, cao tốc Cam Lâm – Vĩnh Hảo.... Các dự án này đều cho doanh thu ổn định và tăng trưởng hàng năm.

BIDV sắp nhận 90 tỷ đồng cổ tức từ công ty con

Tổng CTCP Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam (BIC) thông báo chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức năm 2023 bằng tiền mặt. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 13/09. Với tỷ lệ thực hiện 15% (1 cp nhận 1.500 VND), gần 117,3 triệu cp đang lưu hành, ước tính BIC sẽ chi 176 tỷ VND cổ tức năm 2023. Ngày thanh toán dự kiến 04/10. BIC đã chia cổ tức bằng tiền đều đặn cho cổ đông từ năm 2015-2023, từ 6% lên 15%. Tuy nhiên, năm 2024, Công ty chuyển sang chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15%. Tính đến ngày 08/03/2024, Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam (BIDV) là cổ đông lớn nhất của BIC với tỷ lệ sở hữu 51.01%, ước nhận về gần 90 tỷ VND.

Tập đoàn Đạt Phương (DPG): Ký hợp đồng trị giá hơn 1.000 tỷ đồng để triển khai Nhà máy kính siêu trắng

CTCP Kính Đạt Phương thuộc CTCP Tập đoàn Đạt Phương (DPG) vừa chính thức ký kết hợp đồng với Tập đoàn Công trình Quốc tế vật liệu xây dựng Khải Thịnh (Trung Quốc) về việc cung cấp lắp đặt dây chuyền thiết bị cho nhà máy sản xuất kính hoa siêu trắng và các dịch vụ kỹ thuật kèm theo. Với tổng giá trị đầu tư lên đến 45 triệu USD (gần 1.150 tỷ đồng), đây được coi là bước tiến quan trọng trong chiến lược phát triển của Tập đoàn Đạt Phương khi bước đầu tham gia vào lĩnh vực sản phẩm công nghiệp kính. Kính siêu trắng là sản phẩm có tiềm năng lớn do có thể ứng dụng để sản xuất pin năng lượng mặt trời. Theo thiết kế, Nhà máy sản xuất kính hoa siêu trắng đầu tiên của Tập đoàn Đạt Phương sẽ có công suất 400 tấn/ngày, dự kiến mở rộng lên 1.000 - 1.200 tấn/ngày trong giai đoạn 2. Ban lãnh đạo cũng cho biết dự án chậm hơn tiến độ dự kiến do phải hoàn thiện hồ sơ với Bộ Xây dựng; tuy nhiên, khi dự án đi vào vận hành sẽ đem lại doanh thu lên đến 1.500 - 2.000 tỷ đồng/năm.

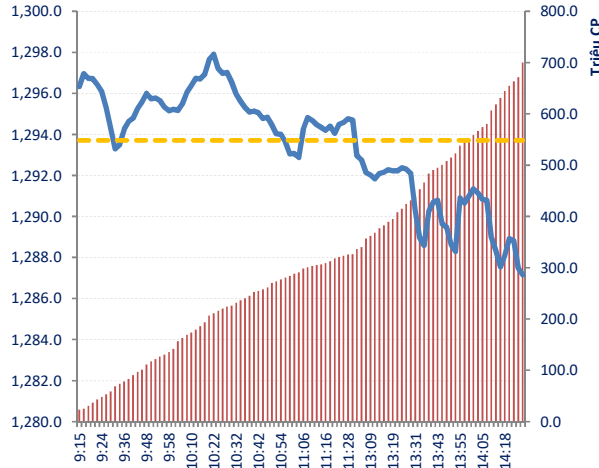
Siêu dự án 500 triệu USD của Vinamilk (VNM) sẽ ra mắt sản phẩm trong quý IV/2024

Kết thúc quý I/2024, khoản mục xây dựng cơ bản dở dang của CTCP Sữa Việt Nam (VNM) đã tăng tới 65% so với thời điểm đầu năm. Mức tăng này đến từ việc VNM đang trong giai đoạn gấp rút hoàn thiện dự án tổ hợp chăn nuôi và chế biến thịt bò Vinabeef Tam Đảo với công suất 10.000 tấn thịt/năm tại tỉnh Vĩnh Phúc. Dự án này do Vinamilk và công ty con - Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam (Vilico) hợp tác đầu tư với Tập đoàn Sojitz (Nhật Bản). Quy mô hợp tác các giai đoạn dự kiến lên đến 500 triệu USD (gần 12.500 tỷ đồng). Trong đó giai đoạn 1 của dự án có vốn đầu tư gần 3.000 tỷ đồng. Dự kiến sản phẩm chính thức sẽ được ra mắt thị trường trong quý IV/2024 và đem về cho Vinamilk khoản doanh thu 2.550 tỷ đồng mỗi năm.

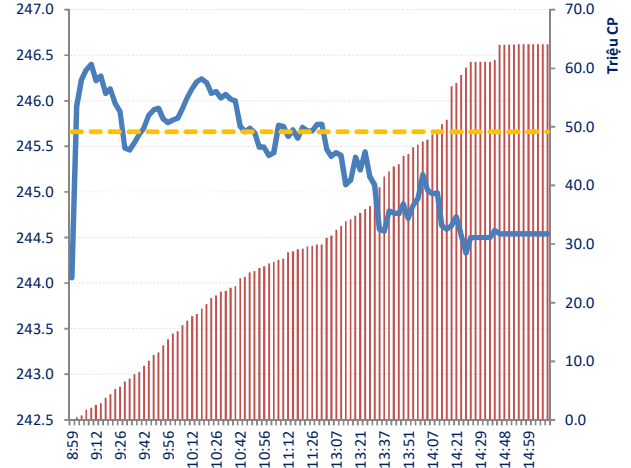


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

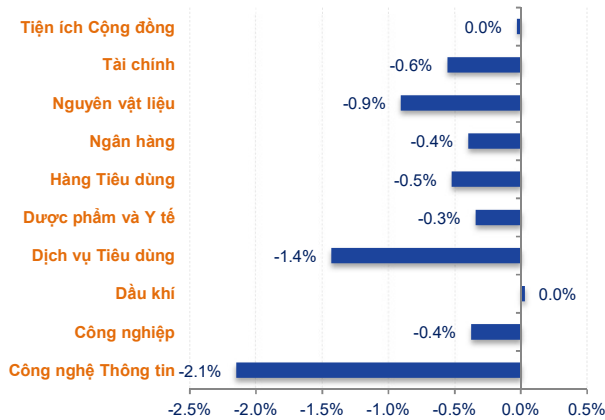
KLGD và VN-Index trong phiên



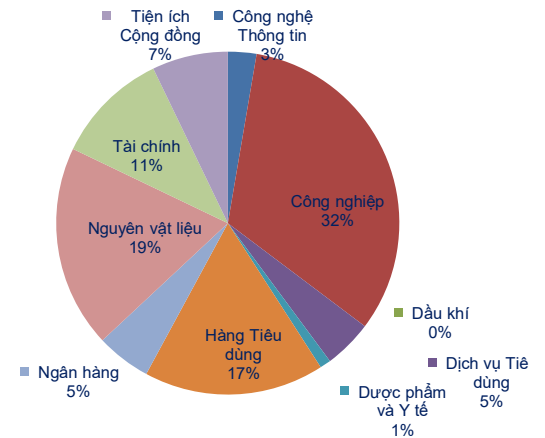
KLGD và HNX-Index trong phiên



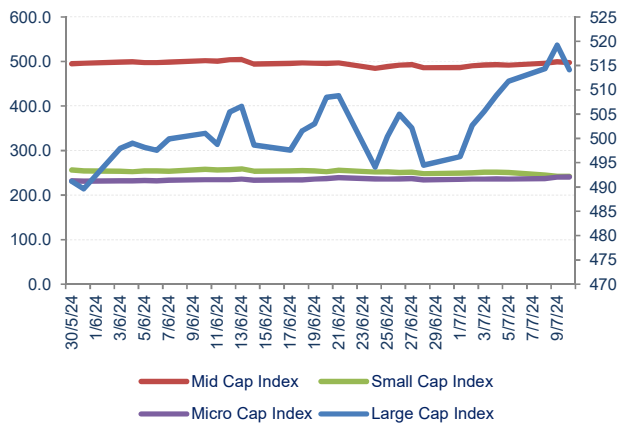
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



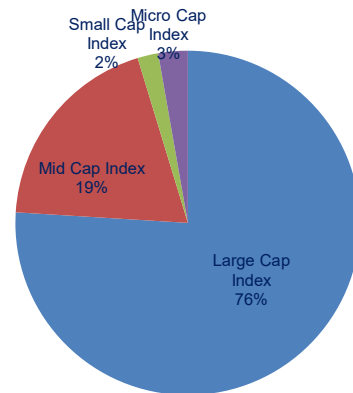
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ

THỐNG KÊ GIAO DỊCH
HOSE
Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	MBB	4,442,909	TCB	4,338,228
2	VIP	1,853,700	DXG	2,537,200
3	VPB	1,457,200	FPT	2,524,964
4	VTO	1,258,600	MWG	2,414,519
5	HPG	1,255,071	HVN	2,365,900

HNX

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	TNG	329,880	IDC	234,155
2	CEO	315,000	AAV	149,200
3	LAS	127,600	MBS	128,600
4	VGS	71,559	TIG	82,800
5	API	69,200	TVC	66,300

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
VCB	88.10	88.60	↑	0.57%	31,833,064
HPG	29.00	28.95	↓	-0.17%	31,339,963
HSG	25.20	25.30	↑	0.40%	27,768,000
MBB	23.15	23.30	↑	0.65%	24,212,201
EIB	18.90	19.10	↑	1.06%	22,955,700

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
SHS	17.70	17.50	↓	-1.13%	6,062,043
THD	35.60	35.50	↓	-0.28%	3,944,060
LAS	28.30	28.40	↑	0.35%	3,861,546
TIG	15.20	15.60	↑	2.63%	3,691,013
CEO	16.70	16.80	↑	0.60%	3,433,951

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HAX	16.45	17.60	1.15	↑ 6.99%
TPC	6.03	6.45	0.42	↑ 6.97%
VTO	14.40	15.40	1.00	↑ 6.94%
SRC	31.80	34.00	2.20	↑ 6.92%
CKG	25.40	27.15	1.75	↑ 6.89%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
BXH	18.00	19.80	1.80	↑ 10.00%
BST	14.00	15.40	1.40	↑ 10.00%
NTH	55.50	61.00	5.50	↑ 9.91%
ATS	13.50	14.80	1.30	↑ 9.63%
KST	12.60	13.80	1.20	↑ 9.52%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SIP	92.20	82.30	-9.90	↓ -10.74%
HRC	49.05	45.65	-3.40	↓ -6.93%
COM	32.50	30.40	-2.10	↓ -6.46%
S4A	42.60	40.00	-2.60	↓ -6.10%
ITA	4.71	4.49	-0.22	↓ -4.67%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
MAC	20.60	18.60	-2.00	↓ -9.71%
TPP	11.90	10.80	-1.10	↓ -9.24%
PIA	31.70	28.80	-2.90	↓ -9.15%
SDU	18.90	17.20	-1.70	↓ -8.99%
PSW	10.40	9.50	-0.90	↓ -8.65%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	31,833,064	20.0%	5,838	15.1	2.8
HPG	31,339,963	9.2%	1,455	19.9	1.8
HSG	27,768,000	8.1%	1,423	17.7	1.4
MBB	24,212,201	21.5%	3,855	6.0	1.2
EIB	22,955,700	9.0%	1,147	16.5	1.4

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	6,062,043	5.7%	688	25.7	1.4
THD	3,944,060	2.5%	395	90.2	2.2
LAS	3,861,546	12.0%	1,487	19.0	2.2
TIG	3,691,013	10.3%	1,386	11.0	1.1
CEO	3,433,951	2.8%	365	45.8	1.4

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HAX	↑ 7.0%	4.6%	505	32.6	1.4
TPC	↑ 7.0%	-10.8%	(1,380)	-	0.5
VTO	↑ 6.9%	8.0%	1,124	12.8	1.0
SRC	↑ 6.9%	6.6%	1,023	31.1	2.0
CKG	↑ 6.9%	11.8%	1,679	15.1	1.7

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
BXH	↑ 10.0%	1.8%	338	53.3	1.0
BST	↑ 10.0%	13.6%	1,833	7.6	1.1
NTH	↑ 9.9%	28.3%	4,708	11.8	3.3
ATS	↑ 9.6%	0.5%	57	235.1	1.1
KST	↑ 9.5%	11.5%	1,375	9.2	1.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
MBB	4,442,909	21.5%	3,855	6.0	1.2
VIP	1,853,700	6.1%	1,142	13.5	0.8
VPB	1,457,200	8.9%	1,525	12.7	1.1
VTO	1,258,600	8.0%	1,124	12.8	1.0
HPG	1,255,071	9.2%	1,455	19.9	1.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
TNG	329,880	12.5%	1,981	14.0	1.7
CEO	315,000	2.8%	365	45.8	1.4
LAS	127,600	12.0%	1,487	19.0	2.2
VGS	71,559	6.0%	1,098	35.7	2.1
API	69,200	-6.9%	(772)	-	0.6

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	492,399	20.0%	5,838	15.1	2.8
BID	270,771	18.1%	3,841	12.4	2.1
FPT	200,812	22.8%	4,641	29.6	6.3
HPG	185,491	9.2%	1,455	19.9	1.8
GAS	181,442	16.4%	4,688	16.9	2.7

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	21,126	7.1%	1,992	22.2	1.5
IDC	20,625	31.7%	5,880	10.6	3.2
HUT	15,708	0.7%	97	180.9	1.4
MBS	14,880	13.0%	1,475	23.1	2.8
SHS	14,393	5.7%	688	25.7	1.4

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

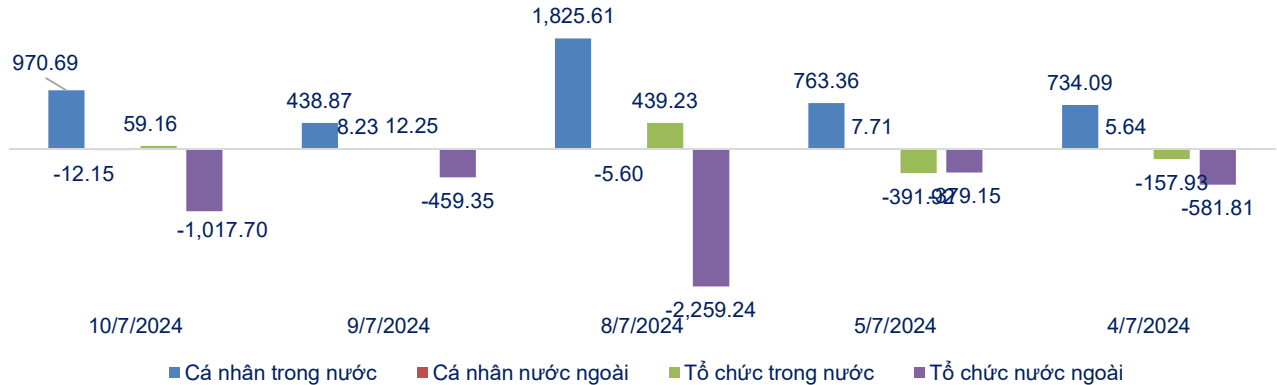
Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
FIR	2.82	1.9%	223	32.0	0.6
PSH	2.69	-9.6%	(1,295)	-	0.5
CCL	2.59	8.9%	1,014	10.1	0.9
EVF	2.41	5.8%	708	20.9	1.2
TCD	2.21	1.7%	193	32.1	0.6

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HMR	4.77	9.2%	1,214	22.6	2.1
API	4.39	-6.9%	(772)	-	0.6
IDJ	3.45	5.0%	584	11.3	0.6
MCO	3.24	0.8%	97	207.4	1.6
PHN	2.92	39.6%	8,294	8.6	3.1

THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NGĐT

Giá trị ròng theo loại hình NGĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	282.25	22.8%	4,641	29.6	6.3
EIB	265.43	9.0%	1,147	16.5	1.4
HPG	143.04	9.2%	1,455	19.9	1.8
TCB	96.62	15.2%	2,802	8.3	1.2
MSN	90.98	0.8%	213	358.9	2.4

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MBB	-57.99	21.5%	3,855	6.0	1.2
DGC	-52.05	24.6%	7,884	16.2	3.9
VPB	-51.63	8.9%	1,525	12.7	1.1
GVR	-34.08	4.6%	628	60.5	2.7
REE	-28.10	9.4%	4,092	17.0	1.6

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	5.48	22.8%	4,641	29.6	6.3
VCI	4.53	8.2%	1,410	34.0	2.6
CTR	3.96	28.4%	4,582	31.8	8.8
HSG	1.46	8.1%	1,423	17.7	1.4
VPB	1.18	8.9%	1,525	12.7	1.1

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-5.99	26.0%	4,410	15.3	3.9
AGG	-4.21	12.5%	2,965	8.2	1.0
BFC	-4.00	18.3%	4,105	10.7	1.9
PC1	-2.63	2.8%	651	48.5	1.3
MSN	-1.36	0.8%	213	358.9	2.4

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	183.57	20.0%	5,838	15.1	2.8
MWG	121.14	4.4%	717	93.2	3.8
FPT	60.52	22.8%	4,641	29.6	6.3
HDB	46.53	24.7%	3,828	6.6	1.5
DCM	31.01	12.0%	2,313	17.5	2.1

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
EIB	-263.27	9.0%	1,147	16.5	1.4
HPG	-179.26	9.2%	1,455	19.9	1.8
MBB	-52.01	21.5%	3,855	6.0	1.2
SSB	-38.55	13.6%	1,632	12.8	1.7
MSN	-34.64	0.8%	213	358.9	2.4

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MBB	110.47	21.5%	3,855	6.0	1.2
HPG	37.48	9.2%	1,455	19.9	1.8
DGC	31.15	24.6%	7,884	16.2	3.9
PC1	30.63	2.8%	651	48.5	1.3
VIP	30.52	6.1%	1,142	13.5	0.8

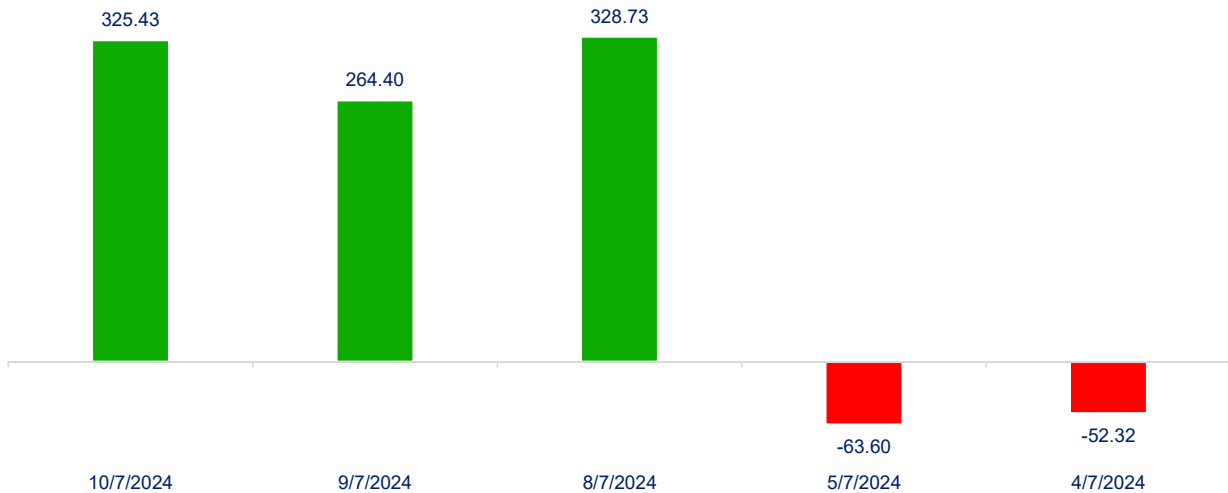
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	-348.25	22.8%	4,641	29.6	6.3
MWG	-159.77	4.4%	717	93.2	3.8
VCB	-157.10	20.0%	5,838	15.1	2.8
TCB	-99.89	15.2%	2,802	8.3	1.2
HVN	-81.98	0.0%	(642)	-	-

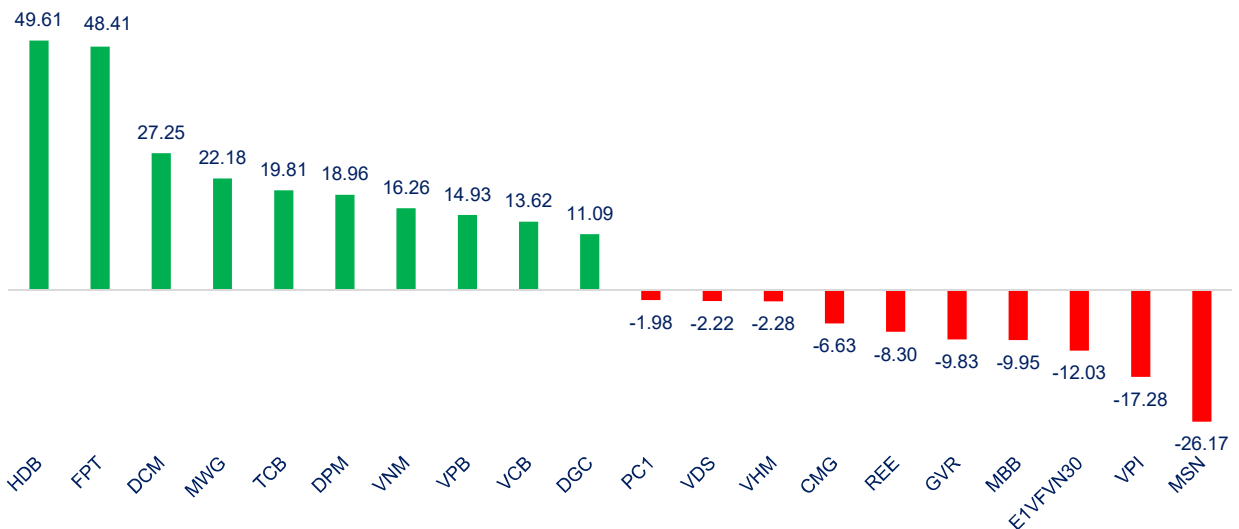


THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Trưởng nhóm: Phan Tấn Nhật
nhatt.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Vũ Tuấn Duy
duy.vt@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
